

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bình Quyền
Ông Bùi Khắc Dương
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND khu vực 4 – Thanh Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 4 X, xã Hòa L, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Đ, xã Hoàng Ch, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2025, bản tự khai ngày 17/3/2025, nguyên đơn chị Trần Thị Chuyên thể hiện:

Chị Trần Thị Ch và anh Trần Đức T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 09/10/1992, được UBND Hoàng Ch, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh

Trần Đức T.

Về con: Chị Trần Thị Ch chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đức T: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Trần Đức T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Trần Thị V(mẹ đẻ anh T) và bà V cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh T.

Tại lời khai của bà Trần Thị Vạn ngày 17/3/2025 thể hiện:

Anh Trần Đức T và chị Trần Thị Ch tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Ch, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau đến 2008 thì phát sinh mâu thuẫn thì chị Ch và anh T sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn, là do tính tình không hợp. Nay chị Ch làm đơn xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Ch, anh T đồng ý ly hôn. Tôi(Vạn) có trách nhiệm thông báo cho anh T khi anh đi làm về(anh T cũng đã biết việc chị Ch làm đơn xin ly hôn anh), tôi cam đoan giao tận tay cho anh T những văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Trần Thị Ch chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ch khởi kiện xin ly hôn anh Trần Đức T. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Trần Thị Ch là nguyên đơn, anh Trần Đức T là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Đức T có địa chỉ tại xã Hoàng Châu, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Chuyên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 -Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Ch khởi kiện xin ly hôn anh Trần Đức T nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Ngày 11/7/2025 bị đơn anh Trần Đức T đã được thông báo về phiên họp kiểm

tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 20/8/2025, bị đơn anh Trần Đức T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do, chị Chuyên có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ch và anh Trần Đức T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Hoàng Ch, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị Ch có nguyện vọng xin được ly hôn anh T. Anh T không có ý kiến gì, mặc dù Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, nhưng anh không đến làm việc theo giấy triệu tập, thể hiện anh bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và chị Ch. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ch cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Ch và anh Trần Đức T không đề nghị Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị Ch và anh Trần Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ch được ly hôn anh Trần Đức T.

Về án phí: Chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000338 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa(nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa). Chị Ch đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ch, bị đơn anh Trần Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND KV4 - Thanh Hóa;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H. Châu;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phương

